

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 372 /KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Triển khai Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Chiến lược*); xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 189/TTr-SKH-CN ngày 23/9/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt quan điểm chuyển từ tư duy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) sang nghiên cứu, phát triển AI và chuyển đổi toàn diện bằng AI; lấy AI làm năng lực cốt lõi ngay từ khâu xác định bài toán, thiết kế, tổ chức và vận hành.

2. Lấy nhân lực, hạ tầng và dữ liệu làm nền tảng; lấy thể chế và quản trị AI làm đột phá; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả triển khai.

3. Phát triển AI lấy con người làm trung tâm; bảo đảm cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và yêu cầu an toàn, an ninh, đạo đức, trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Ưu tiên AI phục vụ các bài toán thực tiễn của tỉnh; không đầu tư, triển khai theo phong trào, không trùng lặp với nền tảng, hệ thống dùng chung của Trung ương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược, gắn việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch có liên quan của Trung ương, của tỉnh.

- AI trở thành năng lực cốt lõi, được tích hợp vào hoạt động quản trị của tỉnh, cung cấp dịch vụ công, sản xuất, kinh doanh, khoa học, giáo dục, y tế, nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và các lĩnh vực có nhu cầu.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tác động

- Từng bước hình thành năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.

- Năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng AI được nâng cao.

b) Kết quả

- Phần đầu 60% doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng AI công vụ hằng tuần.
- Phần đầu 60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI.
- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI tăng tối thiểu 30% so với năm 2026.
- Phần đầu công bố khoa học về AI trên địa bàn tỉnh tăng 10%/năm.
- Phần đầu số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế liên quan đến AI của người Việt Nam tăng trung bình 16%/năm.
- Phần đầu tỷ lệ khai thác thương mại các sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ đạt 8 - 10%.
- Phần đầu có ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về AI.

c) Sản phẩm đầu ra

- Phối hợp triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ bởi AI.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính được hỗ trợ xử lý bằng AI.
- Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.
- Phần đầu đào tạo trình độ cao, chuyên sâu cho tối thiểu 250 người về AI, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia ứng dụng có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai và dẫn dắt các hệ thống AI quy mô lớn.
- Đào tạo, phát triển tối thiểu 1.000 nhân lực trình độ đại học trở lên có năng lực ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.
- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng tối thiểu 10.000 người lao động có khả năng triển khai, vận hành và ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực.
- Tối thiểu 100.000 lao động đã qua đào tạo được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản.
- Phần đầu có khoảng 3.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp tích hợp AI.

d) Đầu vào

- 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng.
- 100% cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: AI trở thành nền tảng vận hành chủ đạo của chính quyền tỉnh, nền kinh tế và xã hội của tỉnh. Tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành bước chuyển căn bản các thể chế, mô hình quản trị, quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch vụ, phương thức sản xuất, kinh doanh và hệ thống hạ tầng quan trọng được thiết kế, phát triển và vận hành trên nền tảng AI.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. CÁC TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC

1. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân: Phát triển nhân lực AI chất lượng cao, phổ cập kỹ năng AI cho toàn xã hội, bảo đảm lực lượng lao động có năng lực nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng AI.

2. Dữ liệu, mô hình AI: Phát triển dữ liệu, hạ tầng dữ liệu và mô hình AI làm nền tảng cho nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và triển khai AI.

3. Hạ tầng AI: Phát triển hạ tầng tính toán, điện toán đám mây, AI biên và trung tâm dữ liệu AI, bảo đảm năng lực tính toán phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và triển khai AI.

4. Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI: Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ AI, hình thành sản phẩm, dịch vụ AI Make in Việt Nam và năng lực công nghệ lõi phục vụ các bài toán lớn.

5. AI trong quản trị quốc gia: Phát triển, triển khai và sử dụng AI trong quản trị quốc gia nhằm xây dựng nền quản trị hiện đại, chủ động, thích ứng nhanh trong kỷ nguyên AI; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, chất lượng cung cấp dịch vụ công, năng lực dự báo, chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

6. AI cho các ngành, lĩnh vực: Thúc đẩy chuyển đổi AI toàn diện trong các ngành, lĩnh vực; tập trung phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tác động lớn đến năng suất, tăng trưởng, năng lực cạnh tranh quốc gia, an sinh xã hội và đời sống người dân.

a) AI cho nghiên cứu khoa học:

- Đẩy mạnh ứng dụng AI trong toàn bộ quy trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm: phát hiện vấn đề nghiên cứu, tổng hợp tri thức, phân tích dữ liệu, mô phỏng, thiết kế thí nghiệm, hỗ trợ công bố, đánh giá kết quả nghiên cứu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Tập trung ứng dụng AI trong khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn; ưu tiên các hướng nghiên cứu gắn với công nghệ chiến lược, các lĩnh vực Việt Nam có lợi thế hoặc nhu cầu cấp thiết.

- Ứng dụng AI hỗ trợ tra cứu, phân tích, kết nối, khai thác dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) AI cho sản xuất công nghiệp:

- Chuyển đổi quy trình sản xuất công nghiệp bằng AI, robot, bản sao số và tự động hóa thể hệ mới; phát triển nhà máy thông minh, dây chuyền sản xuất thông minh và hệ thống vận hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

- Ưu tiên triển khai, sử dụng AI trong các lĩnh vực vật liệu; cơ khí chế tạo; ô tô; tàu biển; cơ khí đường sắt; thiết bị công trình; thiết bị năng lượng, thiết bị điện, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, pin lưu trữ; thiết bị y tế; sản xuất robot, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa; công nghiệp chế tạo phục vụ nông nghiệp; hóa chất; điện tử, bán dẫn; chế biến thực phẩm; dệt may; khai khoáng.

- Triển khai, sử dụng AI trong lập kế hoạch, tối ưu hóa sản xuất, điều phối dây chuyền, phân bổ nguồn lực, lập lịch sản xuất theo thời gian thực; kiểm soát chất lượng, phát hiện lỗi sản phẩm tự động, giám sát quá trình sản xuất liên tục; bảo trì dự báo, dự báo sự cố thiết bị, tối ưu lịch bảo trì, giảm thời gian ngừng máy và chi phí vận hành.

- Triển khai, sử dụng AI trong mô phỏng, tối ưu thiết kế sản xuất, thiết kế sản phẩm và vật liệu mới; hỗ trợ ra quyết định vận hành; tối ưu chuỗi cung ứng, logistics, dự báo nhu cầu, quản lý tồn kho, giảm lãng phí; giám sát tự động, phòng ngừa tai nạn và quản lý môi trường nhà máy.

c) AI cho logistics và chuỗi cung ứng:

- Chuyển đổi hoạt động logistics và chuỗi cung ứng bằng AI trong cảng biển, kho vận, vận tải, thương mại điện tử, chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng công nghiệp, nông nghiệp và các trung tâm logistics trọng điểm.

- Phát triển logistics thông minh, chuỗi cung ứng số, nền tảng điều phối logistics theo thời gian thực, kho tự động, quản trị chuỗi cung ứng bằng AI, blockchain, truy xuất nguồn gốc, robot di động tự hành và bản sao số logistics.

- Triển khai, sử dụng AI trong dự báo nhu cầu, tối ưu tuyến vận tải, tối ưu tải trọng, tối ưu tồn kho, điều phối phương tiện, quản lý kho bãi, quản lý đơn hàng, dự báo gián đoạn chuỗi cung ứng, cảnh báo rủi ro, giảm thời gian giao nhận, giảm chi phí vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics.

- Thúc đẩy liên thông dữ liệu giữa doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại điện tử, cảng biển, sân bay, kho vận, hải quan, cơ quan quản lý nhà nước và các nền tảng số liên quan để hình thành hệ sinh thái logistics và chuỗi cung ứng thông minh, minh bạch, an toàn, có khả năng kết nối khu vực và quốc tế.

d) AI cho giao thông, vận tải:

- Triển khai, sử dụng AI trong giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng, nâng cao hiệu quả kết nối giữa các phương thức vận tải và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, cơ sở dữ liệu, nền tảng và giải pháp AI phục vụ thu thập, kết nối, phân tích, dự báo, giám sát, cảnh báo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định.

- Triển khai, sử dụng AI nhằm nâng cao an toàn, hiệu quả quản lý, khai thác và vận hành; thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải và chuyển đổi xanh trong giao thông vận tải.

đ) AI cho nông nghiệp:

- Chuyển đổi hoạt động sản xuất nông nghiệp bằng AI trong lai tạo giống, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, quản lý đất, nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; phát triển thiết bị nông nghiệp thông minh, UAV nông nghiệp, robot nông nghiệp và các công cụ hỗ trợ sản xuất chính xác.

- Triển khai, sử dụng AI trong quản lý rủi ro, truy xuất nguồn gốc, dự báo dịch bệnh, dự báo thiên tai, tối ưu chuỗi giá trị nông nghiệp và hỗ trợ ra quyết định cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

- Nghiên cứu sử dụng các nền tảng dữ liệu và dịch vụ AI phục vụ nông nghiệp, hỗ trợ phân tích dữ liệu khí tượng, thủy văn, thổ nhưỡng, mùa vụ, dịch bệnh, thị trường, giá cả và chuỗi cung ứng; cung cấp khuyến nghị kịp thời cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

- Triển khai, sử dụng AI để nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí đầu vào, giảm thất thoát sau thu hoạch, nâng cao chất lượng nông sản, đáp ứng tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn xanh và yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Khuyến khích ứng dụng các công cụ AI phù hợp để hỗ trợ tổng hợp, xử lý số liệu trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai; hỗ trợ chuẩn hóa, kiểm tra, phân loại, thống kê thông tin, số liệu từ các địa phương, đơn vị phục vụ xây dựng báo cáo và công tác chỉ đạo, điều hành.

e) AI cho tài chính:

- Triển khai, sử dụng AI, phân tích thông minh để tối ưu hóa hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

- Triển khai, sử dụng AI trong phân tích dữ liệu, hỗ trợ phòng ngừa rủi ro trong các quy trình nghiệp vụ có số lượng giao dịch lớn và hỗ trợ công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ, hỗ trợ khách hàng.

- Đẩy mạnh triển khai, sử dụng AI trong quản lý thuế, hải quan và kho bạc nhà nước, tập trung hỗ trợ thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ, phân tích dữ liệu, quản lý rủi ro, kiểm soát chi ngân sách nhà nước; phát triển trợ lý AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và công chức thực hiện nghiệp vụ.

g) AI cho ngân hàng:

- Chuyển đổi hoạt động ngân hàng bằng AI trong quản trị, điều hành, cung ứng sản phẩm, dịch vụ, quản trị rủi ro, phòng, chống gian lận, giám sát giao dịch và tự động hóa quy trình nghiệp vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của người dân, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy nghiên cứu và triển khai AI và các công nghệ số trong cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng: phân tích, dự đoán nhu cầu, tối ưu hóa hành trình, trải nghiệm khách hàng; phát hiện gian lận, lưu trữ thông tin, phân tích dữ liệu; tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, tiết giảm chi phí và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tức thời cho khách hàng thông qua trợ lý ảo, robot.

- Nghiên cứu, triển khai và sử dụng AI trong các giải pháp chấm điểm tín dụng tự động dựa trên kho dữ liệu khách hàng, dữ liệu mở, dữ liệu bên thứ ba và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

h) AI cho thương mại điện tử:

- Chuyển đổi hoạt động thương mại điện tử, bán lẻ và kinh doanh số bằng AI; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong phân tích hành vi khách hàng, cá thể hóa dịch vụ, tiếp thị thông minh, tối ưu giá bán, dự báo thị trường, vận hành kinh doanh theo dữ liệu thời gian thực và tự động hóa chăm sóc khách hàng.

- Nghiên cứu ứng dụng các công cụ AI hỗ trợ người bán, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã trong quản lý đơn hàng, quản lý tồn kho, chăm sóc khách hàng, tạo nội dung số, quảng bá sản phẩm, phân tích thị trường, dự báo nhu cầu và tối ưu hoạt động kinh doanh trên các nền tảng số.

- Triển khai, sử dụng AI trong phát hiện gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hành vi bất thường, đánh giá tín nhiệm giao dịch, bảo vệ người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử.

- Thúc đẩy kết nối dữ liệu giữa thương mại điện tử, logistics, thanh toán số, truy xuất nguồn gốc, quản lý thị trường và thuế để phát triển hệ sinh thái kinh doanh số minh bạch, an toàn và hiệu quả.

i) AI cho năng lượng:

- Chuyển đổi hoạt động quản lý, điều hành và vận hành hệ thống năng lượng bằng AI; nghiên cứu ứng dụng nền tảng bản sao số và AI chuyên ngành phục vụ dự báo nhu cầu, tối ưu điều độ hệ thống điện, vận hành lưới điện thông minh, phát hiện sự cố, bảo trì dự báo, giảm tổn thất điện năng và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực.

- Ưu tiên triển khai, sử dụng AI trong lưới điện thông minh, năng lượng tái tạo, nhà máy điện thông minh, hệ thống dự trữ năng lượng quốc gia và các hệ thống quản lý, giám sát, điều hành năng lượng.

- Triển khai, sử dụng AI trong dự báo phụ tải, dự báo sản lượng năng lượng tái tạo, tối ưu vận hành nguồn điện, lưới điện, truyền tải, phân phối, lưu trữ năng lượng, quản lý nhu cầu điện, tiết kiệm năng lượng và nâng cao độ tin cậy của hệ thống điện.

- Thúc đẩy triển khai, sử dụng AI trong quản lý năng lượng tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm dữ liệu, tòa nhà, đô thị và các cơ sở tiêu thụ điện lớn; gắn phát triển hạ tầng AI với sử dụng năng lượng hiệu quả, xanh và bền vững.

- Ưu tiên thử nghiệm và triển khai các nền tảng AI chuyên ngành, bản sao số, hệ thống dự báo, tối ưu vận hành, bảo trì dự báo, phát hiện bất thường, quản trị an toàn, quản trị môi trường - phát thải, quản trị rủi ro và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác dầu khí, khí/LNG, điện, năng lượng tái tạo, lọc hóa dầu, hóa chất, công trình biển, đường ống, kho cảng và nhà máy công nghiệp năng lượng.

k) AI cho viễn thông, hạ tầng số:

- Chuyển đổi phương thức quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ viễn thông, hạ tầng số, an toàn thông tin bằng AI; nâng cao năng lực giám sát, tối ưu tài nguyên, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và khả năng chống chịu của hạ tầng số quốc gia.

- Triển khai, sử dụng AI trong quy hoạch, quản lý, tối ưu và tự động hóa vận hành mạng viễn thông cố định, mạng di động thế hệ mới, hạ tầng kết nối Internet, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số, hạ tầng dữ liệu và các hệ thống thông tin quan trọng.

- Phát triển mạng tự hành, vận hành mạng thông minh, bản sao số mạng; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong tối ưu lưu lượng, tối ưu tài nguyên, tối ưu tiêu thụ năng lượng, phát hiện bất thường, bảo trì dự báo, quản lý chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người sử dụng.

- Nghiên cứu ứng dụng các nền tảng AI phục vụ giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm, phân tích và ứng phó sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng; hỗ trợ bảo vệ dữ liệu, bảo vệ hệ thống thông tin, phòng, chống tấn công mạng, mã độc, lừa đảo trực tuyến và các nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Triển khai, sử dụng AI trong giám sát, đánh giá, bảo vệ và nâng cao khả năng phục hồi của hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số dùng chung và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

l) AI cho y tế:

- Nghiên cứu ứng dụng hệ thống y tế thông minh trên nền tảng dữ liệu lớn, công nghệ số và AI; triển khai, sử dụng AI trong quản lý sức khỏe người dân, theo dõi sức khỏe liên tục, y tế dự phòng, cảnh báo sớm nguy cơ bệnh tật và hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi.

- Triển khai, sử dụng AI trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, chăm sóc từ xa, điều phối nguồn lực y tế, công nghệ gen, y học chính xác, thiết kế thuốc và xây dựng phác đồ điều trị.

- Nghiên cứu ứng dụng các nền tảng và công cụ AI hỗ trợ quản lý bệnh viện, tối ưu quy trình khám bệnh, chữa bệnh, phân luồng bệnh nhân, quản lý hồ sơ sức khỏe, dự báo nhu cầu dịch vụ y tế, quản lý thuốc, vật tư y tế và điều phối nguồn lực y tế.

- Triển khai, sử dụng AI để nâng cao khả năng tiếp cận thành tựu y học hiện đại của người dân, mở rộng dịch vụ chăm sóc từ xa, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống y tế.

m) AI cho giáo dục:

- Nghiên cứu ứng dụng nền tảng giáo dục thông minh, học liệu số mở, hệ thống học tập thích ứng, trợ lý học tập AI và công cụ đánh giá năng lực người học.

- Triển khai, sử dụng AI trong cá thể hóa nội dung học tập, hỗ trợ người học tự học, ôn tập, đánh giá tiến bộ và tiếp cận tri thức phù hợp với năng lực, nhu cầu, điều kiện học tập.

- Triển khai, sử dụng AI hỗ trợ giáo viên xây dựng bài giảng, thiết kế học liệu, tổ chức hoạt động dạy học, theo dõi tiến bộ của người học và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Triển khai, sử dụng AI hỗ trợ cơ sở giáo dục quản lý, vận hành dựa trên dữ liệu; nâng cao năng lực quản lý giáo dục, chất lượng dạy và học, khả năng tiếp cận giáo dục và kỹ năng AI cho người học, nhà giáo, người lao động.

n) AI cho lao động, việc làm, an sinh xã hội

- Nghiên cứu ứng dụng nền tảng AI phục vụ dự báo thị trường lao động, phân tích chuyển dịch việc làm, nhu cầu kỹ năng, xu hướng nghề nghiệp và tác động của AI đối với việc làm, thu nhập, phúc lợi xã hội.

- Triển khai, sử dụng AI trong kết nối cung - cầu lao động, tư vấn việc làm, xây dựng lộ trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng và hỗ trợ người lao động thích ứng với chuyển đổi AI.

- Triển khai, sử dụng AI trong quản lý chính sách an sinh xã hội, xác định nhu cầu hỗ trợ, phân tích đối tượng thụ hưởng, cung cấp dịch vụ an sinh xã hội kịp thời, đúng đối tượng, bao trùm và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Chuyển đổi phương thức quản lý, giám sát, đánh giá chính sách lao động, việc làm và an sinh xã hội bằng dữ liệu và AI, phục vụ hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực thi.

o) AI cho văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình:

- Đối với lĩnh vực văn hóa:

- + Nghiên cứu ứng dụng nền tảng AI, cơ sở dữ liệu di sản văn hóa, cơ sở dữ liệu và bản đồ số ngành công nghiệp văn hóa; phát triển, triển khai, sử dụng AI trong số hóa, phân loại, tìm kiếm, phục dựng, giới thiệu, quảng bá, khai thác giá trị di sản văn hóa, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số và nâng cao hiệu quả quản lý, cung cấp dịch vụ văn hóa.

- + Bảo vệ chủ quyền văn hóa số: triển khai, sử dụng AI trong phát hiện, cảnh báo, xử lý thông tin xuyên tạc lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, thông tin sai lệch, độc hại theo quy định của pháp luật; hỗ trợ bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong môi trường số.

- Đối với lĩnh vực thể thao: triển khai, sử dụng AI trong quản lý, huấn luyện, thi đấu, phân tích dữ liệu vận động viên, tối ưu giáo án tập luyện, phòng ngừa chấn thương, tổ chức sự kiện thể thao, phát triển thể thao thông minh và nâng cao trải nghiệm của người dân, khán giả, người hâm mộ.

- Đối với lĩnh vực du lịch: triển khai, sử dụng AI trong quản lý, quảng bá, xúc tiến du lịch; phân tích dữ liệu du lịch, dự báo nhu cầu, phân tích dòng khách, cá thể hóa trải nghiệm du khách, hỗ trợ lập kế hoạch hành trình, cung cấp thông tin điểm đến, tối ưu dịch vụ và nâng cao chất lượng quản lý điểm đến; thúc đẩy kết

nội dữ liệu giữa du lịch, văn hóa, giao thông, lưu trú, thương mại, dịch vụ và phản hồi của du khách để hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh, an toàn, thuận tiện và có khả năng cạnh tranh.

- Đối với lĩnh vực xuất bản: triển khai, sử dụng AI trong chuyển đổi quy trình biên tập, xuất bản, phát hành, lưu chiếu, lưu trữ số, tra cứu, khai thác tư liệu xuất bản; hỗ trợ phát triển xuất bản số, sách nói, sách điện tử, cá thể hóa tiếp cận tri thức, bảo vệ bản quyền và phát hiện vi phạm trong hoạt động xuất bản.

- Đối với lĩnh vực báo chí: triển khai, sử dụng AI trong chuyển đổi mô hình tòa soạn số, hỗ trợ thu thập, phân tích, kiểm chứng, biên tập, sản xuất, phân phối và cá thể hóa nội dung báo chí; phân tích xu hướng thông tin, nhu cầu độc giả, đo lường hiệu quả truyền thông, phát hiện thông tin sai lệch, tin giả, nội dung độc hại theo quy định của pháp luật.

- Đối với lĩnh vực phát thanh, truyền hình: triển khai, sử dụng AI trong sản xuất, biên tập, nhận diện giọng nói, chuyển lời nói thành văn bản, phụ đề tự động, dịch thuật, lưu trữ, tìm kiếm, khai thác tư liệu âm thanh, hình ảnh; tối ưu lịch phát sóng, phân phối nội dung đa nền tảng, phân tích khán giả và nâng cao chất lượng phục vụ công chúng.

p) AI cho tài nguyên, môi trường:

- Chuyển đổi phương thức quản lý môi trường và đô thị bằng AI; phát triển mô hình đô thị xanh, thân thiện môi trường và hệ thống giám sát, quản lý môi trường thông minh; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Triển khai, sử dụng AI, dữ liệu lớn, cảm biến, viễn thám, UAV, bản sao số và mô hình mô phỏng trong giám sát chất lượng không khí, nước, đất, chất thải, tiếng ồn, ngập lụt, sạt lở, thiên tai, biến đổi khí hậu và các rủi ro môi trường khác.

- Nghiên cứu ứng dụng nền tảng quản lý đô thị thông minh ứng dụng AI phục vụ quy hoạch, vận hành và tối ưu hạ tầng kỹ thuật, giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, thu gom, phân loại, xử lý rác thải và các dịch vụ đô thị thiết yếu.

- Triển khai, sử dụng AI trong cảnh báo sớm, hỗ trợ ra quyết định, điều phối nguồn lực, ứng phó sự cố môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và các địa bàn chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Thúc đẩy liên thông dữ liệu môi trường, đô thị, giao thông, năng lượng, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đất đai, xây dựng và dân cư để hình thành hệ sinh thái quản lý môi trường xanh và đô thị thông minh dựa trên dữ liệu, vận hành theo thời gian thực.

- Triển khai, sử dụng AI trong quản lý tài nguyên, điều tra cơ bản, quan trắc, đo đạc, đánh giá, quy hoạch, quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản, tài nguyên biển và hải đảo.

q) AI cho quốc phòng, an ninh:

- Nghiên cứu ứng dụng nền tảng AI phục vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia, an ninh mạng, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và quản trị an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

- Triển khai, sử dụng AI trong phân tích, dự báo, cảnh báo sớm, giám sát, hỗ trợ chỉ huy, điều hành, điều phối lực lượng và ứng phó các tình huống về quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, an ninh mạng, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

- Chuyển đổi phương thức quản lý, giám sát và vận hành các hệ thống phục vụ quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội bằng AI; bảo đảm an toàn, bảo mật, khả năng kiểm soát và tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình triển khai.

7. AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận, triển khai, duy trì sử dụng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI và đo lường hiệu quả thực tế.

8. Hệ sinh thái AI: Phát triển hệ sinh thái AI Việt Nam có năng lực nghiên cứu, phát triển, thương mại hóa và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI.

9. Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy: Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy, có trách nhiệm, bảo đảm AI được phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng theo quy định pháp luật.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chiến lược.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đo lường, giám sát, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Công an tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trong hoạt động phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống AI; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống tội phạm công nghệ cao và các hành vi lợi dụng hệ thống AI vi phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng AI tỉnh, cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu.

- Triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của Bộ Công an.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì nghiên cứu, triển khai ứng dụng AI phục vụ quốc phòng, bảo vệ chủ quyền, ứng dụng AI phục vụ an ninh, quốc phòng, an toàn thông tin quân sự và nhiệm vụ lưỡng dụng. Bảo đảm an toàn, an ninh đối với hệ thống AI có khả năng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích chiến lược của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia, tỉnh về phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo nhằm phát triển nhân lực AI theo hướng toàn diện, tiếp cận năng lực, chuẩn hóa, tham chiếu các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện thực tiễn, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

6. Sở Ngoại vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai công tác đối ngoại phục vụ thực hiện Chiến lược, bảo đảm phù hợp với đường lối đối ngoại, cam kết quốc tế và lợi ích quốc gia, tỉnh.

- Phối hợp thúc đẩy hợp tác quốc tế về AI; hỗ trợ kết nối đối tác, nguồn lực quốc tế, mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài và sự tham gia của Việt Nam tại các diễn đàn, sáng kiến quốc tế về AI theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ:

- Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Chiến lược bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Chủ động rà soát, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

- Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện Chiến lược; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định.

- Căn cứ điều kiện thực tế, xác định các bài toán, nội dung ứng dụng AI ưu tiên và dữ liệu có thể khai thác; ưu tiên ứng dụng các công cụ, nền tảng AI sẵn có đối với các công việc thường xuyên, có khả năng triển khai ngay và đánh giá được hiệu quả; ưu tiên khai thác, sử dụng các nền tảng, hệ thống AI dùng chung của Trung ương, của tỉnh; không đầu tư riêng lẻ, trùng lặp các nền tảng, hệ thống đã được cấp có thẩm quyền triển khai.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chiến lược trong phạm vi quản lý; định kỳ, đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Thống kê tỉnh Quảng Ngãi;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 9;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, TTHN, HCTC, PVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền



Phụ lục I
MỤC TIÊU TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Kế hoạch số: 372 /KH-UBND ngày 30/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030			
I. Tác động			
1	Từng bước hình thành năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Năng suất lao động trong các ngành, lĩnh vực ứng dụng AI được nâng cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
II. Kết quả			
3	Phần đầu 60% doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng AI công vụ hằng tuần	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5	Phần đầu 60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI tăng tối thiểu 30% so với năm 2026	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
7	Phần đầu công bố khoa học về AI trên địa bàn tỉnh tăng 10%/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8	Phần đầu số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế liên quan đến AI của người Việt Nam tăng trung bình 16%/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
9	Phần đầu tỷ lệ khai thác thương mại các sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ đạt 8 - 10%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
10	Phần đầu có khoảng 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
III. Sản phẩm đầu ra			
11	100% các sở, ban, ngành, địa phương ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Phối hợp triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ bởi AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
13	100% hồ sơ TTHC được hỗ trợ xử lý bằng AI	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
14	Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
15	Phần đầu đào tạo trình độ cao, chuyên sâu cho tối thiểu 250 người về AI, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia ứng dụng có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai và dẫn dắt các hệ thống AI quy mô lớn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
16	Đào tạo, phát triển tối thiểu 1.000 nhân lực trình độ đại học trở lên có năng lực ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
17	Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng tối thiểu 10.000 người lao động có khả năng triển khai, vận hành và ứng dụng AI trong các ngành, lĩnh vực	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
18	Tối thiểu 100.000 lao động đã qua đào tạo được trang bị kỹ năng sử dụng AI cơ bản	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo
19	Phần đầu có khoảng 3.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp tích hợp AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

TT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
IV. Đầu vào			
20	100% cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng yếu và dữ liệu dùng chung thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành việc số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
21	100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
B. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045			
22	AI trở thành nền tảng vận hành chủ đạo của chính quyền tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
(Kèm theo Kế hoạch số: 372 /KH-UBND ngày 30/ 9/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
I. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân					
1	Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI; định kỳ rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình phù hợp thực tiễn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển nhân lực AI được phê duyệt <i>(ban hành sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình quốc gia)</i> . Triển khai, đánh giá Chương trình hàng năm.	2026-2030
2	Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng các chuyên gia, kỹ sư trong các ngành, lĩnh vực kỹ năng chuyên ngành AI.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		Báo cáo kết quả đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng	2026-2030
3	Xây dựng Đề án đào tạo lại, bồi dưỡng cho nhóm lao động nguy cơ bị AI thay thế của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đề án đào tạo lại, bồi dưỡng cho nhóm lao động nguy cơ bị AI thay thế của tỉnh	2027 <i>(Sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án)</i>
4	Tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng AI.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các khóa tập huấn được tổ chức hàng năm.	2026-2027
5	Phổ cập AI toàn dân, toàn diện thông qua các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs).	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Số lượng người tham gia các khóa học trên nền tảng.	2026-2030
6	Tổ chức thực hiện chính sách thu hút nhân tài về AI.	Sở Nội vụ		Báo cáo về tình hình thu hút, trọng dụng nhân tài AI	2026-2030
II. Dữ liệu, mô hình AI					
7	Phối hợp trong việc phát triển, mở, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các bộ dữ liệu lớn, chất lượng cao	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung, các bộ dữ liệu lớn.	2026-2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	phục vụ nghiên cứu, phát triển, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và triển khai mô hình AI.				
8	Phối hợp trong việc phát triển thị trường dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ AI	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026: Hình thành thị trường dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ AI.	2026-2030
9	Phối hợp trong việc hoàn thiện cơ chế mở, chia sẻ, lưu thông, truy cập an toàn và liên thông dữ liệu, bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ quyền dữ liệu theo quy định	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Cơ chế, chính sách được xây dựng và ban hành.	2026
10	Triển khai thực hiện quy định về quyền tài sản đối với dữ liệu, sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp nội dung phục vụ AI.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch/Hướng dẫn về thực hiện Quy định về quyền tài sản đối với dữ liệu, sở hữu trí tuệ và khai thác hợp pháp nội dung phục vụ AI trên địa bàn tỉnh	2027 (Sau khi Bộ Công an ban hành Quy định)
11	Phối hợp trong việc phát triển, làm chủ và triển khai các mô hình AI có quy mô phù hợp, bao gồm mô hình nhỏ, mô hình vừa, mô hình lớn và mô hình chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản triển khai (Khi có hướng dẫn triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)	2026-2030
12	Phối hợp trong việc xây dựng bộ chuẩn đánh giá mô hình AI tiếng Việt.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản phối hợp, góp ý khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.	2027
III. Hạ tầng AI					
13	Phát triển hạ tầng AI gồm hạ tầng điện toán đám mây, điện toán đám mây lai, đa đám mây cho AI; AI biên; AI trên thiết bị đầu cuối; AI kết hợp Internet vạn vật có khả năng xử lý và phản hồi theo thời gian thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hạ tầng AI do doanh nghiệp đầu tư, vận hành, khai thác.	2026-2030
14	Phối hợp trong việc nghiên cứu, xây dựng nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia, bảo đảm các nhóm đối tượng ưu tiên tiếp cận tài nguyên tính toán với chi phí hợp lý.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã	Nghiên cứu, xây dựng nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia.	2026-2030 (Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
					nghe)
15	Nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng tính toán cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ chi phí sử dụng hạ tầng tính toán.	2026-2030
IV. Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI					
16	Phối hợp xây dựng, phát triển các liên minh nghiên cứu giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức xã hội để chia sẻ nguồn lực thúc đẩy phát triển, triển khai các công nghệ và thiết bị liên quan đến AI vào các ngành, lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các liên minh nghiên cứu giữa doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội được hình thành và phát triển.	2026-2030 (Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)
17	Phối hợp trong việc nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ AI “Make in Viet Nam” thông qua giải quyết các bài toán lớn, vấn đề thực tiễn của đất nước, hình thành thị trường cho sản phẩm AI nội địa, góp phần phát triển các doanh nghiệp AI Việt Nam, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sản phẩm, dịch vụ AI “Make in Viet Nam” giải quyết các bài toán lớn được phát triển và thương mại hóa. Hình thành các thương hiệu AI của Việt Nam có năng lực cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.	2026-2030 (Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)
18	Phối hợp trong việc làm chủ và phát triển các công nghệ lõi về AI, công nghệ dữ liệu, AI biên, mô hình AI nền tảng thế hệ mới và các công nghệ AI tích hợp với công nghệ mới nổi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công nghệ lõi AI, công nghệ dữ liệu, AI biên được làm chủ và phát triển.	2026-2030 (Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)
19	Đầu tư vào nghiên cứu cơ bản, đổi mới công nghệ, ưu tiên các công nghệ tích hợp AI và năng lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các nghiên cứu cơ bản về công nghệ tích hợp AI và năng lượng được thúc đẩy.	2026-2030
20	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ AI và người máy (robot), công nghệ giám sát hiện trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghệ AI và người máy (robot), công nghệ giám sát hiện	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				trường thời gian thực nhằm chủ động bảo đảm an toàn, an ninh trên địa bàn tỉnh được triển khai.	
21	Phối hợp trong việc phát triển nền tảng AI phục vụ kiểm thử vi mạch chuyên dụng, đóng gói tiên tiến, vật liệu mới và các công nghệ chiến lược khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Nền tảng AI phục vụ kiểm thử vi mạch, vật liệu mới và công nghệ chiến lược được phát triển.	2026-2030 (<i>Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)
22	Phối hợp trong việc phát triển một số sản phẩm AI lưỡng dụng cho an ninh, quốc phòng.	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sản phẩm AI lưỡng dụng phục vụ an ninh, quốc phòng được phát triển.	2026-2030 (<i>Khi có đề nghị của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng</i>)
V. AI trong quản trị quốc gia					
23	Tích hợp AI vào hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng số dùng chung và nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành tích hợp AI.	2026-2030
24	Ứng dụng AI trong quản trị, chỉ đạo, điều hành: phân tích chính sách, đánh giá tác động, dự báo kinh tế - xã hội, xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát thực thi, hỗ trợ ra quyết định.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hệ thống AI hỗ trợ quản trị, chỉ đạo, điều hành được triển khai tại các s, ngành, UBND cấp xã.	2026-2030
25	Phối hợp xây dựng, triển khai Nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia theo hướng AI-First, AI-Native, ưu tiên các nhóm bài toán: trợ lý AI công vụ; AI hỗ trợ cung cấp dịch vụ công; AI hỗ trợ xây dựng, rà soát, hoàn thiện thể chế; AI phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND cấp xã liên quan.	Cuối năm 2026 có phiên bản đầu tiên của nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia. Hoàn thiện mở rộng, tích hợp và vận hành trong các năm tiếp theo.	2026-2030 (<i>Khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)
26	Phát triển các Trung tâm điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, Internet vạn vật (IoT), thiết bị bay không người lái (UAV), 5G, vệ tinh và các công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành	UBND cấp xã	Các Trung tâm điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, Internet vạn vật (IoT), thiết bị	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
	tiên tiến; ứng dụng AI trong dự báo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh, sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	liên quan		bay không người lái (UAV), 5G, vệ tinh và các công nghệ tiên tiến.	
27	Ứng dụng bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị tại các thành phố, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung (có nhu cầu).	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ	Bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị được hoàn thành và đưa vào sử dụng.	2026-2030
VI. AI cho các ngành, lĩnh vực					
28	Triển khai AI cho nghiên cứu khoa học.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Số lượng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có ứng dụng AI.	2026-2030
29	AI cho sản xuất công nghiệp.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong sản xuất công nghiệp.	2026-2030
30	AI cho logistics và chuỗi cung ứng.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong chuỗi cung ứng.	2026-2030
31	AI cho giao thông, vận tải.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong giao thông, vận tải.	2026-2030
32	AI cho nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, công cụ, dịch vụ ứng dụng AI trong nông nghiệp; trong đó khuyến khích ứng dụng các công cụ AI phù hợp hỗ trợ xử lý, tổng hợp số liệu, thông tin trong lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.	2026-2030
33	AI cho tài chính.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong tài chính.	2026- 2030
34	AI cho ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước chi	Các sở, ban, ngành, UBND	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong ngân hàng.	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
		nhánh Khu vực 9	cấp xã		
35	AI cho thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong thương mại điện tử.	2026-2030
36	AI cho năng lượng.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong năng lượng.	2026-2030
37	AI cho y tế.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong y tế.	2026-2030
38	AI cho giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong giáo dục.	2026-2030
39	AI cho lao động, việc làm, an sinh xã hội.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong lao động, việc làm, an sinh xã hội.	2026-2030
40	AI cho văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong văn hóa, thể thao, du lịch, xuất bản, báo chí, phát thanh truyền hình.	2026-2030
41	AI cho tài nguyên, môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong quản lý tài nguyên, môi trường.	2026-2030
42	AI cho quốc phòng, an ninh.	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình, sản phẩm, dịch vụ ứng dụng AI trong quốc phòng, an ninh.	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
VII. AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã					
43	Phối hợp trong việc xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ sản phẩm, giải pháp AI. Báo cáo đánh giá kết quả hỗ trợ.	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)
44	Phối hợp trong việc xây dựng, công bố và cập nhật định kỳ danh mục sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026: Danh mục sản phẩm, giải pháp AI phù hợp với SMEs công bố. Cập nhật định kỳ danh mục.	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)
45	Phối hợp trong việc phát triển dịch vụ điện toán đám mây phổ cập, dễ dùng, kinh tế, hiệu quả và an toàn phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi bằng AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, doanh nghiệp công nghệ số	Các dịch vụ điện toán đám mây phổ cập, dễ dùng, kinh tế, hiệu quả và an toàn được phát triển và vận hành	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)
VIII. Hệ sinh thái AI					
46	Phối hợp phát triển doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Số lượng doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI (AI-native).	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
			có liên quan		<i>Công nghệ)</i>
47	Khuyến khích thành lập các Trung tâm xuất sắc về AI (AI CoE) tại Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại	Số lượng các Trung tâm xuất sắc về AI (AI CoE) tại Tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại	2026-2030
48	Phối hợp xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng AI để giải quyết các bài toán thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh theo cơ chế hợp tác đồng đầu tư giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng AI	2026-2030 <i>(khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>
49	Phối hợp trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI “Make in Viet Nam”.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân	Sản phẩm, dịch vụ, giải pháp AI “Make in Viet Nam” được phát triển và thương mại hóa.	2026-2030 <i>(khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>
50	Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ AI “Make in Viet Nam” trong phạm vi các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và cung cấp dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã, doanh nghiệp	Sản phẩm, dịch vụ AI “Make in Viet Nam” được sử dụng trong phạm vi các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				tế số và cung cấp dịch vụ công.	
	Phối hợp kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ AI thông qua việc phát triển các nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Hội, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Các hoạt động kết nối thị trường và thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ AI.	Thường xuyên
51	Phối hợp phát triển các Cụm liên kết AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Số lượng Cụm liên kết AI hình thành	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)
52	Phối hợp hỗ trợ cộng đồng AI mở, mã nguồn mở, mô hình mở, công cụ và bộ dữ liệu mở có kiểm soát.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Cộng đồng AI mở, mã nguồn mở, mô hình mở và bộ dữ liệu mở có kiểm soát được hỗ trợ và phát triển.	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an)
IX. Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy					
53	Phối hợp triển khai, theo dõi, đánh giá và cập nhật Khung đạo đức AI quốc gia; hướng dẫn quản trị và đánh giá tuân thủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026: Khung đạo đức AI quốc gia và cơ chế giám sát đạo đức AI được ban hành; triển khai, theo dõi, đánh giá và cập nhật	2026-2030 (khi có văn bản hướng dẫn, triển khai của

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
				Khung đạo đức AI quốc gia; hướng dẫn quản trị và đánh giá tuân thủ trong các năm tiếp theo.	<i>Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>
54	Phối hợp nghiên cứu, phát triển công nghệ bảo mật cho hệ thống AI; phát hiện, ngăn chặn, giám sát và ứng phó với các mối đe dọa.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Công nghệ bảo mật cho hệ thống AI; phát hiện, ngăn chặn, giám sát và ứng phó với các mối đe dọa được nghiên cứu, phát triển.	2026-2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Công an</i>)
55	Phối hợp trong việc xây dựng nền tảng, công cụ phục vụ việc giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI. Ưu tiên sử dụng công nghệ AI để giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các bộ, ngành, UBND cấp xã; Doanh nghiệp công nghệ số, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và các tổ chức liên quan	Nền tảng, công cụ phục vụ việc giám sát, kiểm tra, đánh giá các sản phẩm, dịch vụ AI	2026- 2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)
X. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật					
56	Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật, tạo hành lang pháp lý thông thoáng nhằm phát triển nhanh và tích hợp AI vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật.	2026-2030
57	Phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về AI để thúc đẩy phát triển và chuyển đổi bằng AI quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản quy phạm pháp luật.	2026-2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
58	Phối hợp nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi về thuế, mặt bằng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Chính sách ưu đãi về thuế, mặt bằng cho trung tâm dữ liệu và HPC phục vụ AI được ban hành.	2026-2030 (<i>Khi có đề nghị của cơ quan cấp Bộ liên quan</i>)
59	Phối hợp nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi năng lượng cho trung tâm dữ liệu, HPC phục vụ AI.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Chính sách ưu đãi về năng lượng cho trung tâm dữ liệu và HPC phục vụ AI được ban hành.	2026-2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Công thương</i>)
60	Phối hợp trong việc đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, nền tảng, dịch vụ AI “Make in Viet Nam”; áp dụng cơ chế ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu; thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công - tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Cơ chế, chính sách được hoàn thiện.	2026-2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)
61	Phối hợp trong việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống AI cho phép triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Cơ chế, chính sách được hoàn thiện.	2026-2030 (<i>khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)
62	Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách kiểm soát luồng dữ liệu trong hoạt động AI xuyên biên giới, kiểm soát xuất khẩu công nghệ AI nhạy cảm, triển khai các biện pháp pháp lý, kỹ thuật phù hợp và hợp tác quốc tế để bảo đảm an toàn thông tin, an ninh không gian mạng, dữ liệu cá nhân và thông tin chiến lược của quốc gia.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản quy định hoặc hướng dẫn.	2026 (<i>khi có văn bản triển khai của Bộ Công an</i>)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
XI. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí					
63	Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	UBND cấp xã	Cơ chế hỗ trợ lãi suất cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý AI thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã được xây dựng	2026-2027
64	Phối hợp nghiên cứu cơ chế ưu đãi thuế đối với hoạt động AI.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Cơ chế ưu đãi thuế đối với hoạt động AI	Thường xuyên (khi có văn bản đề nghị của cơ quan cấp Bộ liên quan)
65	Phối hợp nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ chi phí nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI theo kết quả, hiệu quả triển khai bảo đảm có giám sát, đánh giá và phù hợp với quy định của pháp luật; hỗ trợ kinh phí sử dụng AI cho công chức, viên chức, người lao động; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam ứng dụng, phát triển và triển khai sản phẩm, giải pháp AI theo bài toán thực tế; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận các công cụ tài chính cho ứng dụng sản phẩm, giải pháp AI	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các cơ chế hỗ trợ.	Thường xuyên (khi có văn bản đề nghị của cơ quan cấp Bộ liên quan)
66	Phối hợp nghiên cứu, xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, cung cấp sản phẩm, dịch vụ AI, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thực hiện thử nghiệm, kiểm thử, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận và hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ AI theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các cơ chế hỗ trợ.	Thường xuyên (khi có văn bản đề nghị của cơ quan cấp Bộ liên quan)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
XII. Hợp tác quốc tế và xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn					
67	Phối hợp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chất lượng cao và các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới đầu tư, xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển AI tại Việt Nam, thông qua ưu đãi đầu tư và hạ tầng dữ liệu, điện toán tiên tiến với điều kiện chuyển giao công nghệ, nội địa hóa, đào tạo nhân lực; bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng và lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam trong các trường hợp pháp luật quy định.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Số lượng dự án đầu tư FDI về AI. Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển AI của nước ngoài tại Việt Nam.	2026-2030 (khi có văn bản đề nghị của cơ quan cấp Bộ liên quan)
68	Phối hợp thực hiện rà soát, cập nhật bảo đảm các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng hài hòa, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan	Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật về AI được rà soát và cập nhật.	2026-2030 (khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)
XIII. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm					
69	Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn về nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Các cơ quan báo chí, truyền thông	Hội nghị, tọa đàm, tài liệu phổ biến, tài liệu truyền thông, tài liệu tập huấn.	2026-2030 (khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)
70	Triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của xã hội về AI.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp xã; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch / Công văn triển khai	2026-2030 (khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian thực hiện
71	Tổ chức chương trình, hội thảo, hội nghị tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa, tầm quan trọng và tính tất yếu của chuyển đổi bằng AI.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan báo chí, truyền thông	Các chương trình, hội thảo, hội nghị tuyên truyền được tổ chức.	2026-2030
72	Xây dựng hoặc lồng ghép tuyên truyền AI vào chương trình, kế hoạch của sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Các sở, ban, ngành UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Chương trình, kế hoạch được lồng ghép nội dung tuyên truyền AI.	2026-2027
XIV. Đo lường, giám sát, đánh giá					
73	Xây dựng, ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật các chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi AI của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Chỉ tiêu đánh giá mức độ chuyển đổi AI của tỉnh	<i>Khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
74	Phối hợp triển khai đánh giá chuyển đổi AI tỉnh và công bố công khai kết quả đánh giá định kỳ hằng năm, làm căn cứ theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chiến lược, làm cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét biểu dương, khen thưởng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kết quả đánh giá	2026-2030 <i>(khi có hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>
75	Phối hợp xây dựng, triển khai các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá được các mục tiêu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược trên môi trường số, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các giải pháp công nghệ để theo dõi, thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá.	2027-2028 <i>(khi có đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>
76	Phối hợp nghiên cứu, khảo sát, xây dựng, đề xuất, công bố các mô hình chuyển đổi AI mới, mô hình chuyển đổi AI thành công để phát triển, phổ biến; xuất bản tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về AI tại các quốc gia phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các mô hình chuyển đổi AI mới, mô hình chuyển đổi AI thành công được công bố; tài liệu hướng dẫn, sổ tay, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về AI được xuất bản	Thường xuyên <i>(khi có hướng dẫn, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>